

My name is: _____

WORKSHEET

FFs1 – Unit 3

Teacher's feedbacks

Task 1. Look and write the number in the box: (Con nhìn và ghi số tương ứng với hình vào ô nhé)

1. Knee

2. Mouth

3. Hands

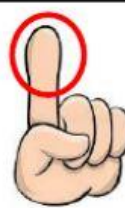
4. Finger

5. Toes











6. Shoulders

7. Foot

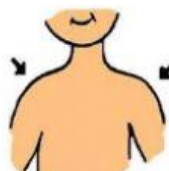
8. Feet

9. Eye

10. Elbow











11. Eyebrows

12. Nose

13. Neck

14. Hair

15. Legs











Task 2: Choose the correct answer: Chọn đáp án đúng nhé

1. I _____ with my feet.

- a. walk b. smell c. eat

2. I smell with my _____.

- a. nose b. mouth c. hand



3. I _____ with my eyes.

- a. eat b. smell c. see



4. These _____ my hands.

- a. is b. an c. are



5. It's _____ shoulder.

- a. a b. an c. is



6. These are my _____.

- a. eyebrow b. eyebrows



7. It's a _____.

- a. nose b. noses



8. I _____ with my hands.

- a. write b. smell c. eat



9. I _____ with my mouth.

- a. write b. smell c. eat














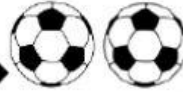
















10. I _____ with my ears.

- a. eat b. hear c. see



Task 3: Look and write: Con nhìn và viết đáp án nhé**This – That – These - Those**

1.is my ear.  
2.is my nose.  
3.are my books.  
4.are my pencils.  
5.is my bag.  
6.are my kites.  
7.are my balls.  
8.is my car.  
9.are my knees.  
10.is my ruler.  
11.is my boat.  
12.are my dolls.  
13.is my notebook.  
14.are my eyes.  

Task 4: Listen, drag and drop: Con nghe, kéo và thả đáp án nhé

